

Số: 669/QĐ-THPTNĐC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước
năm 2026 (lần 6, lần 11) của Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu**

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2491/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 07 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 6).

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 08 năm 2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11).

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách tài chính-kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 (lần 6, lần 11) của Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu theo số liệu dự toán đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

(Chi tiết số liệu theo Biểu mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC đính kèm quyết định này).

Điều 2. Hình thức và thời gian công khai

- Niêm yết công khai tại bảng tin thông báo của nhà trường (vị trí trước phòng thiết bị).

- Đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: <http://thptnguyendinhchieu.edu.vn>.

- Thời gian niêm yết: 90 ngày kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện



1. Bộ phận Kế toán: Có trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu theo đúng quy định tại Thông tư 90/2018/TT-BTC; thực hiện việc niêm yết và theo dõi phản hồi (nếu có) trong suốt thời gian công khai.

2. Bộ phận Quản trị mạng: Có trách nhiệm đăng tải văn bản và các phụ lục đính kèm lên website nhà trường ngay trong ngày ký ban hành.

3. Văn phòng nhà trường: Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện và báo cáo Hiệu trưởng.

Điều 4. Các ông (bà) Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, các phòng ban, tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Niêm yết;
- Website trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ KT.



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính và
Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Chương: 422 - Loại 490 - Khoản 494

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(LẦN 6, LẦN 11)**

(Kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-SGDĐT ngày 15/7/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM)

(Kèm theo Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06/8/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM)

(Kèm theo Quyết định số 349/QĐ-THPTNĐC ngày 29/09/2026 của Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm	Ghi chú
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	So thu phí, lệ phí	0	
1	Lệ phí	0	
2	Lệ phí B		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	
1	Chi sự nghiệp.....	0	
2	Chi quản lý hành chính	0	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	
3.1	Lệ phí	0	
B	Dự- toán chi ngân sách nhà nước	531.620.000	
I	Chi quản lý hành chính	0	
II	Nghiên cứu khoa học	0	
III	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	531.620.000	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	531.620.000	
	- Mua sắm tài sản	491.300.000	
	- Kinh phí sinh hoạt hè	40.320.000	
3	Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (KTX)		
4	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP		
IV	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	
V	Chi bảo đảm xã hội	0	
VI	Chi hoạt động kinh tế	0	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao năm	Ghi chú
VII	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	
VIII	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	
IX	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin và liên lạc	0	
X	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	
XI	Chi Chương trình mục tiêu	0	

Ngày 29 tháng 09 năm 2026

PT Kế toán



Nguyễn Thị Cẩm

HIỆU TRƯỞNG



Trần Xuân Mai



Số: 2491 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 6)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 6) nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa của 49 trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 19.205.663.838 đồng (Mười chín tỷ, hai trăm lẻ năm triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi tám đồng chẵn).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 6) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II;
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (K).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Phát



TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 6)

(Đính kèm quyết định số: 2491 /QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	Trong đó: 10% Tiết kiệm thực hiện CCTL	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	NGUỒN CCTL TẠI ĐƠN VỊ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ MUA SẢM NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	KINH PHÍ SỬA CHỮA NĂM 2026 (nguồn NSTP - nguồn 12)	CHI TNHH THEO NQ 08/2023/NQ- HĐND, TÍNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO NĐ 154/2025/NĐ-CP (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)	GHI CHÚ
						Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN													
A	B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	5	7	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098		(19.205.663.838)	(19.205.663.838)	-					(19.205.663.838)	(14.459.703.800)	(4.745.960.038)			
CỘNG								19.205.663.838	19.205.663.838	-	-	-	-	-	19.205.663.838	14.459.703.800	4.745.960.038	-	-	-
1	1	1071559	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	422	070	074		480.000.000	480.000.000						480.000.000	480.000.000				
2	2	1049798	Trường THCS - THPT Diên Hồng	422	070	074		150.000.000	150.000.000						150.000.000	150.000.000				
3	3	1015806	Trường THPT Hắc Dịch	422	070	074		480.000.000	480.000.000						480.000.000	480.000.000				
4	4	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074		487.000.000	487.000.000						487.000.000	487.000.000				
5	5	1014283	Trường Nuôi dạy trẻ Khiếm Thị Hữu Nghị	422	070	072		179.000.000	179.000.000						179.000.000	179.000.000				
6	6	1086031	Trường Chuyên biệt Quận 10	422	070	072		160.000.000	160.000.000						160.000.000	160.000.000				
7	7	1015803	Trường THPT Võ Thị Sáu- Bà Rịa- Vũng Tàu	422	070	074		490.000.000	490.000.000						490.000.000	490.000.000				
8	8	1126867	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 6	422	070	075		456.000.000	456.000.000						456.000.000	456.000.000				
9	9	1014326	Trung tâm GDTX -HN Vũng Tàu	422	070	075		458.200.000	458.200.000						458.200.000	458.200.000				
10	10	1060858	Trường THPT Nguyễn Hiền	422	070	074		333.000.000	333.000.000						333.000.000	333.000.000				
11	11	1110106	Trường THPT Bình Tân	422	070	074		240.000.000	240.000.000						240.000.000	240.000.000				
12	12	1060564	Trường THPT Lương Văn Can	422	070	074		187.984.000	187.984.000						187.984.000	187.984.000				
13	13	1086051	Trường THPT Vĩnh Lộc	422	070	074		176.050.000	176.050.000						176.050.000	176.050.000				
14	14	1079157	Trường Giáo dục Chuyên biệt Thảo Điền	422	070	072		46.000.000	46.000.000						46.000.000	46.000.000				
15	15	1120923	Trường Chuyên biệt Bình Tân	422	070	072		198.250.000	198.250.000						198.250.000	198.250.000				
16	16	1110153	Trường THPT Bình Hưng Hòa	422	070	074		248.000.000	248.000.000						248.000.000	248.000.000				
17	17	1046743	Trường THPT An Nhơn Tây	422	070	074		479.000.000	479.000.000						479.000.000	479.000.000				
18	18	1042858	Trường THPT Thanh Lộc	422	070	074		495.000.000	495.000.000						495.000.000	495.000.000				
19	19	1043921	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	422	070	074		100.000.000	100.000.000						100.000.000	100.000.000				
20	20	1046742	Trường THPT Hàn Thuyên	422	070	074		834.700.000	834.700.000						834.700.000	834.700.000				
21	21	1086283	Trường Chuyên biệt Bình Minh	422	070	072		93.000.000	93.000.000						93.000.000	93.000.000				
22	22	1014727	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422	070	074		120.000.000	120.000.000						120.000.000	120.000.000				
23	23	1127135	Trung tâm GDNN-GDTX Quận 12	422	070	075		497.080.000	497.080.000						497.080.000	497.080.000				
24	24	1076003	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	422	070	074		450.000.000	450.000.000						450.000.000	450.000.000				
25	25	1046617	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	422	070	074		374.285.000	374.285.000						374.285.000	374.285.000				
26	26	1035856	Trường Giáo dục Chuyên biệt Niềm Tin	422	070	072		95.618.000	95.618.000						95.618.000	95.618.000				
27	27	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074		498.000.000	498.000.000						498.000.000	498.000.000				
28	28	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074		435.811.800	435.811.800						435.811.800	435.811.800				
29	29	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074		498.960.000	498.960.000						498.960.000	498.960.000				
30	30	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074		491.300.000	491.300.000						491.300.000	491.300.000				
31	31	1120603	Trường THPT Vĩnh Lộc B	422	070	074		826.559.000	826.559.000						826.559.000	328.465.000	498.094.000			
32	32	1126714	Trung Tâm GDNN - GDTX Dĩ An	422	070	075		269.000.000	269.000.000						269.000.000	269.000.000				
33	33	1126614	Trung Tâm GDNN - GDTX Dầu Tiếng	422	070	075		449.000.000	449.000.000						449.000.000	449.000.000				
34	34	1127104	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cần Giở	422	070	075		493.000.000	493.000.000						493.000.000	493.000.000				
35	35	1126891	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Chánh	422	070	075		432.000.000	432.000.000						432.000.000	432.000.000				
36	36	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074		497.000.000	497.000.000						497.000.000	497.000.000				
37	37	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074		499.000.000	499.000.000						499.000.000	499.000.000				
38	38	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074		499.000.000	499.000.000						499.000.000	499.000.000				
39	39	1127428	Trường THCS - THPT Thanh An	422	070	074		798.000.000	798.000.000						798.000.000	300.000.000	498.000.000			
40	40	1104035	Trường THPT An Nghĩa	422	070	074		200.000.000	200.000.000						200.000.000	200.000.000				
41	41	1125803	Trường phổ thông năng khiếu TD, TT Bình Chánh	422	070	074		261.000.000	261.000.000						261.000.000	261.000.000				
42	42	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074		490.121.038	490.121.038						490.121.038		490.121.038			
43	43	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074		493.788.000	493.788.000						493.788.000		493.788.000			
44	44	1118192	Trường THPT Đào Sơn Tây	422	070	074		325.000.000	325.000.000						325.000.000		325.000.000			
45	45	1115077	Trường THPT Minh Đạm	422	070	074		453.000.000	453.000.000						453.000.000		453.000.000			
46	46	1110143	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	422	070	074		498.000.000	498.000.000						498.000.000		498.000.000			
47	47	1014981	Trường THPT Thủ Đức	422	070	074		498.957.000	498.957.000						498.957.000		498.957.000			
48	48	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074		496.000.000	496.000.000						496.000.000		496.000.000			
49	49	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074		495.000.000	495.000.000						495.000.000		495.000.000			

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3759 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) nhiệm vụ chi lương và kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè của 197 đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 25.458.927 ngàn đồng (Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 11) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Ng).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Phát

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu

Mã ĐVQHNS: 1085123

Mã kho bạc nơi giao dịch: Phòng Giao dịch số 17 – KBNN KV II (143)

(Kèm theo Quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.369.190.205
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	33.369.190.205
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	33.369.190.205
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	15.302.305.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	-
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	17.270.885.205
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	17.270.885.205
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	-
2.3	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 18)	796.000.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	796.000.000

Ghi chú:

1. Kinh phí chi lương và các khoản chi phí hoạt động được bố trí trong kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ nguồn ngân sách thành phố (cho đến khi phương án tự chủ tài chính của đơn vị được phê duyệt theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí trực tiếp phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

3. Nguồn CCTL tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi quỹ tiền lương, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán đã phân bổ	Dự toán điều chỉnh bổ sung lần sau	Tổng cộng
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	12.087.765.000		12.087.765.000
2	Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	4.957.885.205		4.957.885.205
3	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	-		-
4	Hỗ trợ chi phí học tập	28.000.000		28.000.000
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	287.000.000		287.000.000
6	Hỗ trợ giáo dục MN theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND	-		-
7	Chính sách thu hút giáo viên MN theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND	-		-
8	Hỗ trợ ngành giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ theo Nghị quyết 14/2018/NQ-HĐND	-		-
9	Chính sách đặc thù cho học sinh tại xã đảo Thanh An, huyện Cần Giờ theo Nghị quyết 38/2023/NQ-HĐND	-		-
10	Kinh phí dạy văn hóa theo Nghị định 20/2014/NĐ-CP	-		-
11	Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí	2.197.920.000		2.197.920.000
12	Kinh phí chăm lo tết Bính Ngọ	-		-
13	Hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013	20.000.000		20.000.000
14	Dự toán kinh phí tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	-		-
15	Kinh phí thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP của Chính phủ	-		-
16	Chế độ trường DTNT, Khiếm thị, Khuyết Tật (Tiền ăn, BHYT..)	-		-
17	Kinh phí làm phụ trội, thêm giờ	-		-
18	Kinh phí thực hiện mua sắm	491.300.000		491.300.000
19	Kinh phí thực hiện sửa chữa	-		-
20	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND và chi tính gián biên chế (nếu có)	12.313.000.000		12.313.000.000
21	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	796.000.000		796.000.000
22	Kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè		40.320.000	40.320.000